

Số: 57./TB-THS

Thanh Hoá, ngày 11 tháng 9 năm 2026

THÔNG BÁO TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA  
TẠI CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Căn cứ quy định của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025.

Chúng tôi là:

Công ty: Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà Mã chứng khoán: THS  
Website: thanhhoasongda.com.vn  
Địa chỉ liên lạc: 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá  
Điện thoại: 0984 034 443 Fax: ..... Email: songdathanhhoa@gmail.com

Xin thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài (SHNN) tối đa tại Công ty là: 0%

Lý do: Theo quy định tại Điều 141 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP)

| STT | Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh | Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh               | Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế) | Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan | Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài | Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa (nếu có) |
|-----|------------------------------------------|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
| (1) | (2)                                      | (3)                                                     | (4)                                                               | (5)                                        | (6)                                                                                                  | (7)                                                   |
| 1.  | 4632                                     | Bán buôn thực phẩm                                      | 100%                                                              | 100%                                       | 100%                                                                                                 |                                                       |
| 2.  | 4663                                     | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 100%                                                              | 100%                                       | 100%                                                                                                 |                                                       |

|     |      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                |      |      |
|-----|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------|------|
| 3.  | 4542 | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                               | Không quy định | 100% | 100% |
| 4.  | 4520 | Bảo dưỡng và sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                  | 49%            | 49%  | 100% |
| 5.  | 7710 | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 51%            | 100% | 100% |
| 6.  | 4661 | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                                                                                                      | 49%            | 49%  | 100% |
| 7.  | 7810 | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm                                                                                                                                                                                                                             | 100%           | 100% | 100% |
| 8.  | 5510 | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 100%           | 100% | 100% |
| 9.  | 5610 | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                  | 100%           | 100% | 100% |
| 10. | 6810 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br><br>Cụ thể: Đầu tư kinh doanh nhà ở và văn phòng cho thuê;                                                                                                                                                               | 100%           | 100% | 100% |
| 11. | 4649 | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br><br>Cụ thể: kinh doanh các mặt hàng bách hóa, vải sợi may mặc, văn phòng, thiết bị nội thất, thực phẩm tươi sống, thực phẩm công nghệ, nông sản, rượu bia, nước ngọt, thuốc lá, lương thực, thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, vật tư nông nghiệp, điện máy, điện tử, điện lạnh. | 100%           | 100% | 100% |
| 12. | 4541 | Bán mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 100%           | 100% | 100% |
| 13. | 4511 | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                               | 100%           | 100% | 100% |
| 14. | 3290 | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br><br>Cụ thể: Sản xuất vật liệu xây dựng                                                                                                                                                                                                                                    | 100%           | 100% | 100% |
| 15. | 7912 | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 100%           | 100% | 100% |
| 16. | 4933 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 51%            | 51%  | 100% |

|                                     |      |                                                                                                             |      |      |      |
|-------------------------------------|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------|------|
| 17.                                 | 4101 | Xây dựng nhà để ở                                                                                           | 100% | 100% | 100% |
| 18.                                 | 4102 | Xây dựng nhà không để ở                                                                                     | 100% | 100% | 100% |
| 19.                                 | 4299 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết : Xây dựng công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật. | 100% | 100% | 100% |
| 20.                                 | 4330 | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                              | 100% | 100% | 100% |
| 21.                                 | 4329 | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                              | 100% | 100% | 100% |
| 22.                                 | 4641 | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                        | 100% | 100% | 100% |
| 23.                                 | 4321 | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                       | 100% | 100% | 100% |
| 24.                                 | 9311 | Hoạt động của các cơ sở thể thao                                                                            | 100% | 100% | 100% |
| Tỷ lệ SHNN tối đa tại Công ty là 0% |      |                                                                                                             |      |      |      |

Chúng tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ này./.

**Các tài liệu, thông tin gửi kèm:**

- Liệt kê đầy đủ các tài liệu gửi kèm;
- Giấy chứng nhận ĐKKD
- Đăng tại: website: //thanhhoasongda.com.vn
- CBTT trên cổng thông tin: //cims.hnx.vn

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Vũ Thị Lý*